TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27-3-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Sơn Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Chính

Ông Vũ Văn Lẫy

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Mai Thị Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Ông Đặng Văn Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 268/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị K; địa chỉ: Tổ 11, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn M; địa chỉ: Tổ 11, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/11/2017 và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh Phạm Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường B, quận K, thành phố Hải Phòng vào ngày 23/02/2012. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, sau

đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng lấy nhau được 05 năm, năm đầu tiên thì hạnh phúc nhưng từ năm thứ hai anh M chơi bời cờ bạc, nợ nần với số tiền lớn khoảng 500.000.000 đồng, bản thân chị K phải đi vay 100.000.000 đồng để trả nợ cho anh M, việc vay nợ này không có giấy tờ nên chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết, việc nợ nần của anh M khiến kinh tế gia đình suy sụp, chị K phải vay mượn trả nợ thay cho anh M, ngoài ra trong thời gian sống chung hai vợ chồng không có con nên đã đi khám thì bác sĩ có nói là do anh M khó có khả năng có con, trong thời gian anh M vắng nhà chị K do nguyện vọng muốn được làm mẹ nên chị K đã đi xin con vì từ tháng 6/2017 đến nay hai vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, kinh tế riêng biệt. Nay xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, chị K đề nghị Toà án giải quyết cho chị K được ly hôn với anh M.

- Về nuôi con: Chị K trình bày: Chị K và anh M không có con chung, hiện tại chị đang mang thai khoảng hơn 03 tháng; chị K xác định đây không phải là con của anh M, chị K không yêu cầu anh M có trách nhiệm chăm sóc, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị K không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn M trình bày: Anh M xác nhận quá trình kết hôn và sống chung và mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 6/ 2017 như chị K trình bày là đúng, nhưng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M đi làm xa chị K ở nhà có quan hệ bất chính với người khác và tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ sống từ tháng 6/2017 cho đến nay. Anh M không đồng ý ly hôn vì cho rằng vẫn còn tình cảm với chị K. Nguyên nhân chị K xin ly hôn là do chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác dẫn đến mang thai, giữa hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì và anh M không chơi bời cờ bạc nợ nần như chị K trình bày; việc hai vợ chồng chưa có con là do khó khăn về kinh tế nên anh M chưa muốn có con, không phải do anh M không có khả năng có con và anh M mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

- Về con chung: Anh M xác định anh và chị K không có con chung, chị K đang mang thai con của người khác, anh M có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc đứa trẻ như con của mình.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi

thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản thực hiện đúng trình tự tố tụng, các đương sự đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn anh Phạm Văn M. Về con chung và tài sản chung: Không có, các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Phạm Văn M, hiện đang cư trú tại: Tổ 11, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn (chị Nguyễn Thị K) và bị đơn (anh Phạm Văn M) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường B, quận K, thành phố Hải Phòng vào ngày 23/02/2012. Vì vậy, hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về hôn nhân: Quá trình Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ, không có tài liệu nào chứng minh về việc bị đơn (anh M) chơi bời cờ bạc, vay số tiền lớn 500.000.000 đồng và nguyên đơn phải vay 100.000.000 đồng để trả nợ cho bị đơn như lời trình bày của nguyên đơn và việc quan hệ bất chính giữa nguyên đơn và người đàn ông khác như lời trình bày của bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn cũng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét giải quyết.

[4] Về nguyên nhân mâu thuẫn: Trong thời gian 05 năm chung sống, vợ chồng chưa có con lý do nguyên đơn muốn có con nhưng bị đơn chưa muốn có con vì kinh tế gia đình khó khăn, do muốn được làm mẹ nên nguyên đơn đã đi xin con để được làm mẹ, mặc dù việc nguyên đơn mang thai với người khác trong thời kỳ hôn nhân với bị đơn là không phù hợp, vì vậy đây cũng là một nguyên nhân bất đồng trong quan điểm sống, hiện vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2017 cho đến nay mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai, kinh tế riêng biệt; nguyên đơn không còn tình cảm gì với bị đơn, bản thân bị đơn không đồng ý ly hôn vì còn yêu thương nguyên đơn nhưng không có biện pháp nào khắc phục được tình cảm của nguyên đơn, nguyên đơn không muốn về đoàn tụ với bị đơn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đề nghị của nguyên đơn xin ly hôn bị đơn là phù hợp pháp luật.

[5] Về con chung: Theo lời khai của nguyên đơn, nguyên đơn hiện đang mang khoảng 03 tháng, thai này không phải của bị đơn và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con; bị đơn cũng xác nhận thai mà nguyên đơn đang mang không phải là của bị đơn tuy nhiên bị đơn đồng ý nuôi dưỡng và chăm sóc cháu bé trước và sau khi nguyên đơn sinh con và coi cháu như con của mình cho đến khi bố đưa bé làm thủ tục nhận con vì vậy Hội đồng ghi nhận ý kiến của nguyên đơn và bị đơn. Tuy nhiên, nguyên đơn mang thai trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp với bị đơn nên theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình thì đây là con chung của nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp các đương sự có yêu cầu xác định con thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản và vay nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị K và bị đơn anh Phạm Văn M.

- Về nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp các đương sự có yêu cầu xác định con thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

- Về chia tài sản, nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010428 ngày 27/11/2017, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng, nguyên đơn đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Sơn Thị Nhân